

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 28/5/2021.

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Ông Vũ Văn Hợp.

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Thư ký
TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 274/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về vụ “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/5/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1975.

* Bị đơn: Anh **Dương Văn M**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp AKh, xã MH, huyện ChTh, tỉnh Kiên Giang;

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày như sau:

Về hôn nhân: Năm 1993 chị và anh M tự tìm hiểu đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng cho đến nay vẫn không thể dung hòa được cuộc sống gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Dương Tấn L, sinh ngày 14/8/1994 và Dương Tố Q, sinh ngày 02/02/1995. Các con đã trưởng thành, không có nhược

điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn anh Dương Văn M trình bày như sau:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị D.

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Dương Tấn L, sinh ngày 14/8/1994 và Dương Tố Q, sinh ngày 02/02/1995. Các con đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa

Tại phiên tòa:

- Chị D và anh M giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Châu Thành nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo chị D và anh M trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị thiết lập vào năm 1993. Anh chị thừa nhận anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa anh chị đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào các quy định này Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D với anh Dương Văn M.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung tên Dương Tấn L, sinh ngày 14/8/1994 và Dương Tố Q, sinh ngày 02/02/1995. Tại phiên tòa anh chị xác nhận các con đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh chị xác nhận vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D với anh Dương Văn M.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị D đã nộp theo biên lai thu số: 0001620, ngày 29/03/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị D đã nộp xong).

4. Quyền kháng cáo: Chị D và anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo